TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2023
V/v: "*Tranh chấp*
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hán Hưởng
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Mạnh Linh
2. Ông Nguyễn Việt Tú.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phùng Văn H1, sinh năm 1975 (Vắng mặt lần thứ hai).
Cùng địa chỉ: Khu V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022; tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn H1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 15/7/1995. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần vợ chồng cãi nhau và nhiều lần anh H1 có hành vi bạo lực đánh chị. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan

tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H1 để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Phùng Văn C, sinh ngày 26/01/1996; Phùng Văn Th, sinh ngày 21/8/2007 và Phùng Văn Q, sinh ngày 07/7/2011. Hiện nay cháu C đã thành niên lao động tự túc được. Còn cháu Th và cháu Q đang ở cùng anh H1. Chị đề nghị giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của hai cháu.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, anh Phùng Văn H1 có quan điểm trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn chung sống vợ chồng như chị H đã trình bày. Anh cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, khi chị H đi làm ăn ở Hà Nội, anh yêu cầu chị về nhưng chị H không về và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không nhất trí. Anh đề nghị vợ chồng vẫn tiếp tục cuộc sống như hiện nay.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có ba con chung như chị H đã trình bày. Nếu ly hôn anh xin nuôi cháu Th và cháu Q, không yêu cầu chị H pH1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân và lấy quan điểm của cháu Th và cháu Q, cả hai cháu đều nhất trí được trực tiếp ở với anh H1.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghỉ nghị án thực hiện đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phùng Văn H1.

Về con chung: Giao cả hai con chung là Phùng Văn Th, sinh ngày 21/8/2007 và Phùng Văn Q, sinh ngày 07/7/2011 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H1 không yêu cầu.

Tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H và anh H1 không đề nghị xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 có quan điểm trình bày đề nghị Tòa án giải quyết việc chị H xin ly hôn vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H1 là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H xin được ly hôn anh H1 thấy rằng: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 15/7/1995 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Đồng Lương thể hiện: Vợ chồng chị H anh H1 sau khi kết hôn có thời gian chung sống tại gia đình của anh H1. Quá trình chung sống anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Trong khi đó, anh H1 nguyện vọng muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh H1 lại không tham gia hòa giải do Tòa án tổ chức để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1 để ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Chị H và anh H1 có ba con chung là Phùng Văn C, sinh ngày 26/01/1996; Phùng Văn Th, sinh ngày 21/8/2007 và Phùng Văn Q, sinh ngày 07/7/2011. Hiện nay cháu C đã thành niên, lao động tự túc được; cả chị H và anh H1 không đề nghị giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Đối với cháu Th và cháu Q: Hiện nay đang trong độ tuổi vị thành niên, quá trình giải quyết vụ án, chị H có quan điểm đề nghị giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con chung. Còn anh H1 đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Th và cháu Q nếu vợ chồng ly hôn. Trong khi đó, cả cháu Th và cháu Q đều có nguyện vọng được trực tiếp ở với anh H1 nếu chị H và anh H1 ly hôn. Do đó, cần giao cháu Th và cháu Q cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng khi anh chị ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Do anh H1 không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nếu anh trực tiếp được giao nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H và anh H1 không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phùng Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Phùng văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phùng Văn Th, sinh ngày 21/8/2007 và Phùng Văn Q, sinh ngày 07/7/2011. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H1 không yêu cầu nhưng chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008092 ngày 21/12/2022; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H và anh H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng